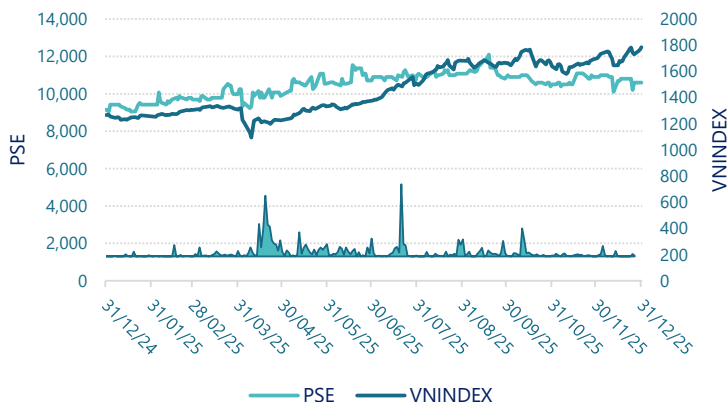




CTCP Phân bón và Hóa chất dầu khí Đông Nam Bộ (HNX: PSE)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	10,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	12,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	9,052
SL cổ phiếu LH	12,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	720
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	133
P/E	
EPS	

DT thuần

Q4/25

737

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 19.0 | 2.6%

LN sau thuế

Q4/25

4.73

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 3.30 | -41.1%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

#VALUE!

#VALUE!

DT thuần

2025

tỷ VNĐ

LN sau thuế

2025

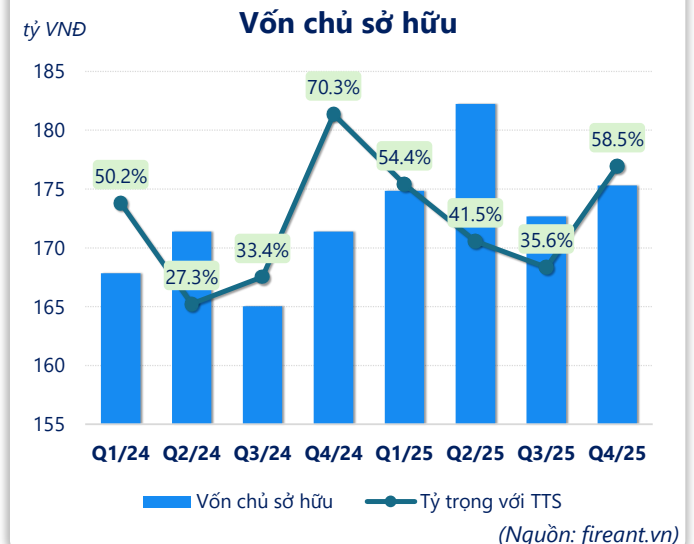
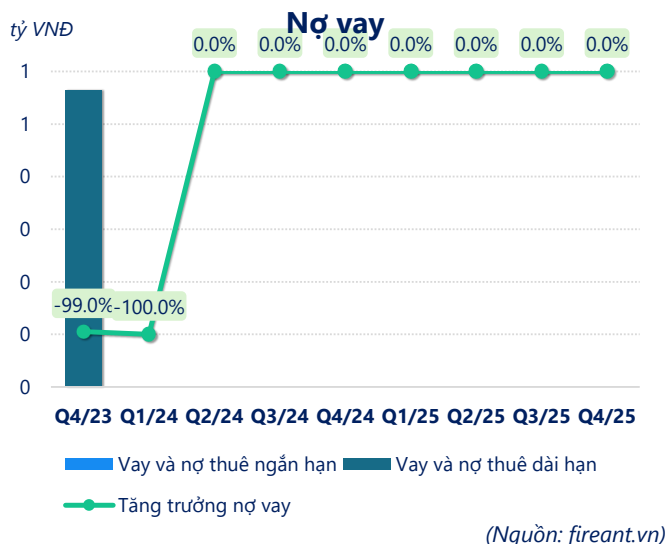
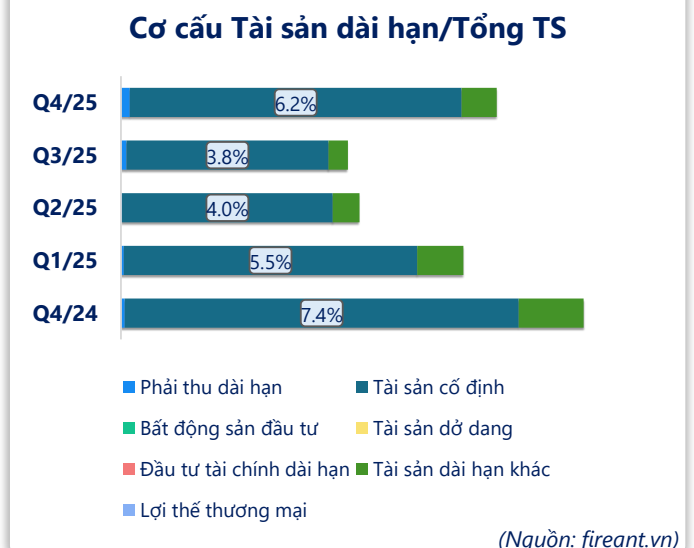
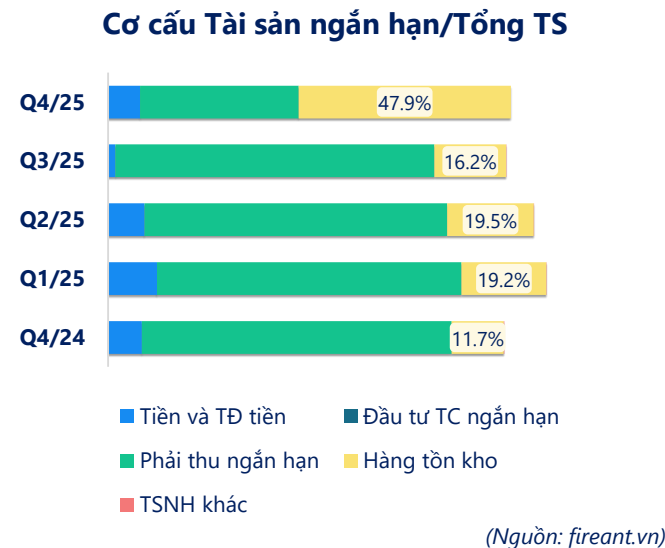
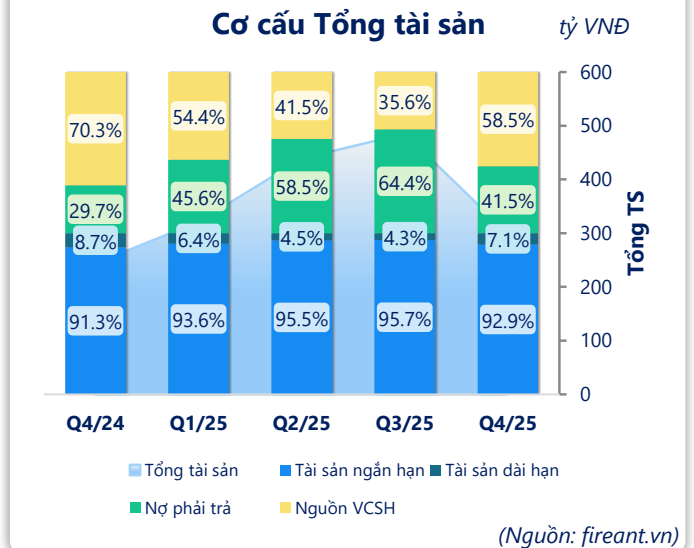
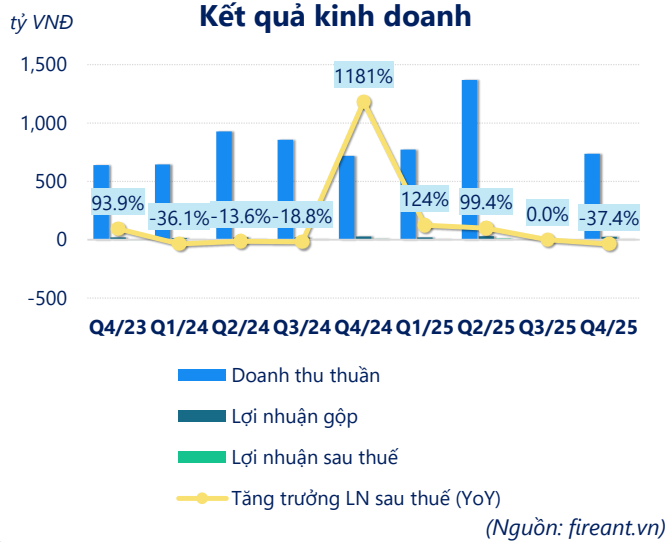
tỷ VNĐ

ROE

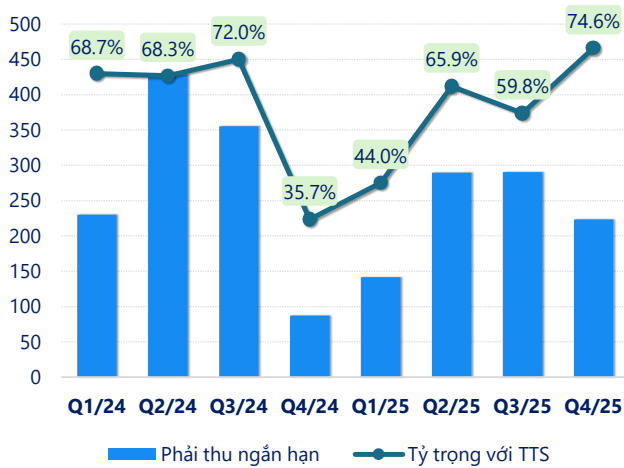
2025

#VALUE!

#VALUE!

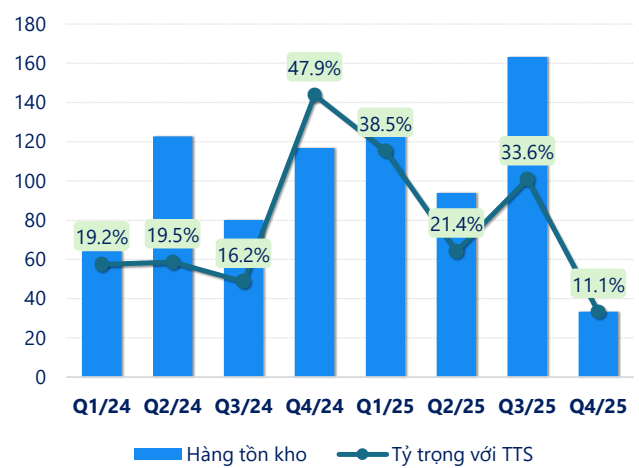


tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


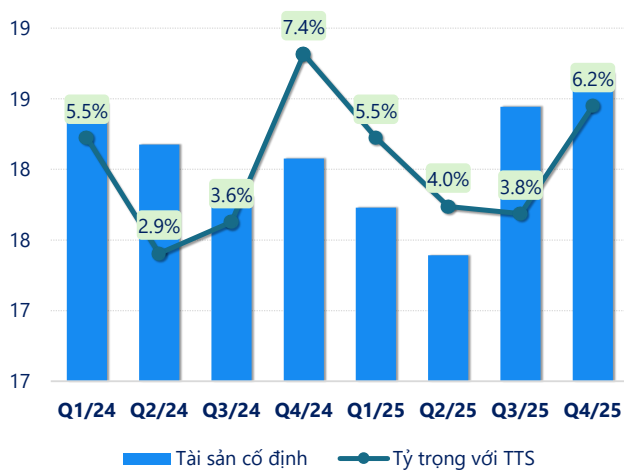
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


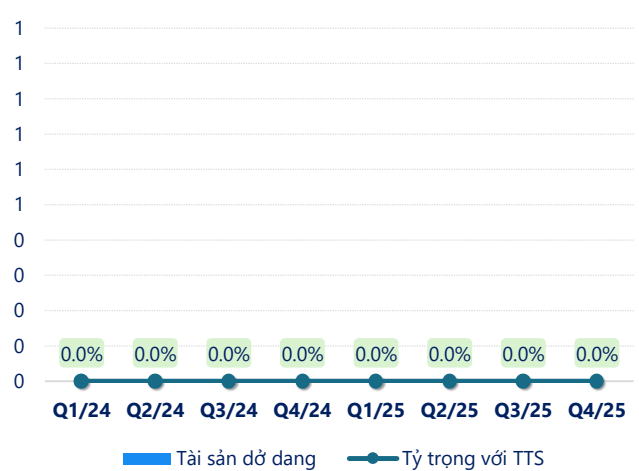
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

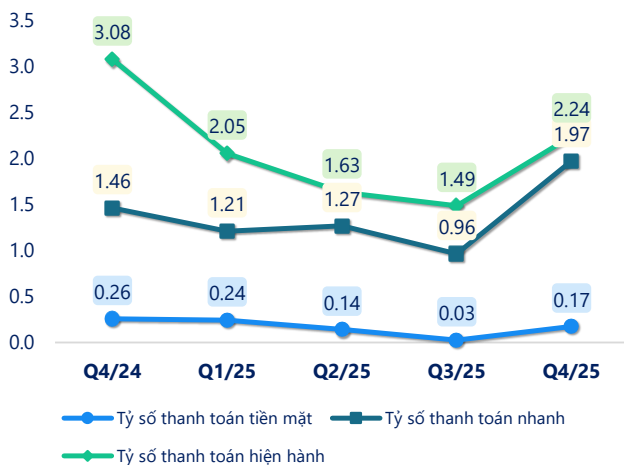
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

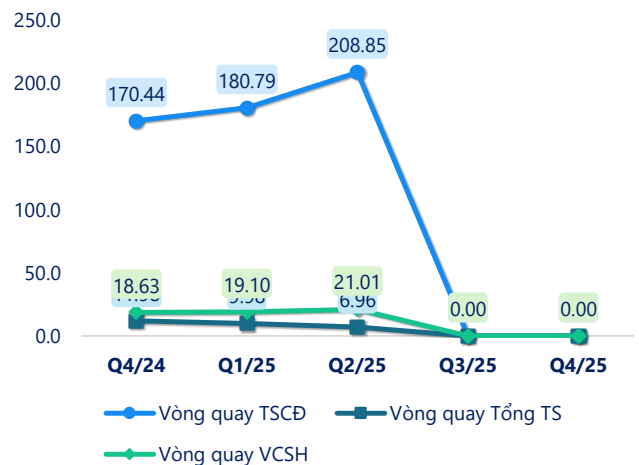
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	244	321	439	485	299
Tài sản ngắn hạn	223	301	420	465	278
Tiền và tương đương tiền	18.6	35.4	36.2	8.01	21.7
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	87.2	141	289	290	223
Hàng tồn kho	117	124	93.9	163	33.3
Tài sản ngắn hạn khác	0	0.05	0.03	3.10	0.00
Tài sản dài hạn	21.2	20.7	19.7	20.7	21.2
Phải thu dài hạn	0.17	0.17	0.10	0.50	0.50
Tài sản cố định	18.1	17.7	17.4	18.4	18.7
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	2.97	2.78	2.21	1.76	1.98
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	72.5	146	257	313	124
Nợ ngắn hạn	72.3	146	257	313	124
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	41.5	23.8	151	199	53.7
Nợ dài hạn	0.14	0.14	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	171	175	182	173	175
Vốn chủ sở hữu	171	175	182	173	175
Vốn điều lệ	125	125	125	125	125
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)